QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Luật số: 105/2025/QH15	*Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025*

LUẬT

GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Giám định tư pháp.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp; trình tự, thủ tục giám định tư pháp; chi phí giám định tư pháp; chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp; quản lý nhà nước về giám định tư pháp; trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động giám định tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, Hội đồng giám định tư pháp.

2. Người trưng cầu giám định tư pháp, người yêu cầu giám định tư pháp.

3. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động giám định tư pháp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giám định tư pháp* là việc sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kiểm tra, đánh giá, kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trưng cầu của người trưng cầu giám định tư pháp hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định tư pháp.

2. *Người trưng cầu giám định tư pháp* bao gồm cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; cơ quan, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; cơ quan, người khác có thẩm quyền trưng cầu giám định tư pháp theo quy định của pháp luật.

3. *Người yêu cầu giám định tư pháp* là người có quyền tự mình yêu cầu giám định tư pháp sau khi đã đề nghị người trưng cầu giám định tư pháp trưng cầu giám định mà không được chấp nhận theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, pháp luật về tố tụng dân sự và pháp luật về tố tụng hành chính.

4. *Người giám định tư pháp* bao gồm giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc.

5. *Giám định viên tư pháp* là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm để thực hiện giám định tư pháp.

6. *Người giám định tư pháp theo vụ việc* là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc được người trưng cầu giám định tư pháp trưng cầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật này.

7. *Tổ chức giám định tư pháp* bao gồm tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và văn phòng giám định tư pháp.

8. *Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc* là tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc được người trưng cầu giám định tư pháp trưng cầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật này.

9. *Quy trình giám định tư pháp* là tập hợp các bước theo trình tự, thủ tục để thực hiện giám định tư pháp trong một lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành cụ thể.

10. *Quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định tư pháp* là các quy định pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, các loại quy trình, định mức khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành trong từng lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành cụ thể phục vụ hoạt động giám định tư pháp.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp

1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo trình tự, thủ tục giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, quy trình giám định, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định.

2. Trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời.

3. Độc lập trong quá trình thực hiện giám định, đưa ra kết luận giám định.

4. Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề trong phạm vi được trưng cầu, yêu cầu giám định.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp

1. Nhà nước đầu tư, phát triển hệ thống tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực có nhu cầu giám định lớn, thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của hoạt động tố tụng; có chính sách ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi gắn với kiểm soát chặt chẽ về chất lượng giám định đối với tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc hoặc đơn vị, tổ chức, cá nhân khác khi tham gia hoạt động giám định tư pháp.

2. Nhà nước có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với người giám định tư pháp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; xây dựng cơ sở dữ liệu về giám định tư pháp.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động giám định tư pháp

Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động giám định tư pháp

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp trong phạm vi toàn quốc.

2. Bộ Tư pháp là cơ quan đầu mối, giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm giúp Chính phủ quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

4. Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện nội dung quản lý đối với tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc tổ chức mình; tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ hằng năm.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm quản lý nhà nước về giám định tư pháp tại địa phương theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động giám định tư pháp

1. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng ở trung ương:

a) Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao ban hành quy định cụ thể về trưng cầu, yêu cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong quá trình giải quyết các vụ việc, vụ án hình sự;

b) Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự gắn với thống kê tội phạm.

Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện việc thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự, tố tụng hành chính.

Cơ sở dữ liệu về trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng được kết nối, chia sẻ;

c) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao báo cáo Quốc hội về tình hình trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp, sử dụng kết luận giám định tư pháp, dự báo nhu cầu giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý trong báo cáo công tác hằng năm; gửi phần nội dung về giám định tư pháp cho Bộ Tư pháp, Bộ, ngành có liên quan;

d) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc bố trí vị trí của người giám định tư pháp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương:

a) Thực hiện thống kê về trưng cầu, yêu cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định trong hoạt động tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý ở địa phương theo quy định của cơ quan tiến hành tố tụng ở trung ương;

b) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố về tình hình trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp, sử dụng kết luận giám định tư pháp, dự báo nhu cầu giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý trong báo cáo hằng năm; gửi phần nội dung về giám định tư pháp cho Sở Tư pháp, sở, ngành có liên quan;

c) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Từ chối tiếp nhận, thực hiện giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng; cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp, thời gian ban hành kết luận giám định tư pháp.

2. Từ chối kết luận giám định tư pháp mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan.

3. Tiết lộ thông tin trong quá trình thực hiện giám định tư pháp gây ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng.

4. Lợi dụng danh nghĩa người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp để trục lợi.

5. Nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích khác từ đơn vị, tổ chức, cá nhân để làm sai lệch việc trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp hoặc để làm sai lệch kết quả, kết luận giám định tư pháp.

6. Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

7. Lợi dụng việc trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp để gây khó khăn, cản trở hoạt động tố tụng.

8. Lạm dụng việc trưng cầu giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự để thay thế công tác điều tra, thực hiện nghĩa vụ chứng minh của cơ quan tiến hành tố tụng.

9. Can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp.

10. Xúi giục, đe dọa, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

Chương II

NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Mục 1. GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP

Điều 10. Tiêu chuẩn giám định viên tư pháp

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian thực tế hoạt động chuyên môn từ đủ 03 năm trở lên;

c) Đã qua khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết điểm b và điểm c khoản 1 Điều này đối với giám định viên tư pháp ở lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; cá nhân đăng ký thường trú tại địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Những trường hợp không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Người không đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này;

b) Người bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

c) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

d) Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

đ) Cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm; công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc.

Quy định tại điểm này được áp dụng trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm quyết định kỷ luật có hiệu lực;

e) Người đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

4. Giám định viên tư pháp bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này;

c) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc có hiệu lực, trừ trường hợp giám định viên tư pháp có nguyện vọng tiếp tục làm giám định tư pháp tại cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi giám định viên tư pháp đã làm việc và được sự đồng ý của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó theo quy định của pháp luật;

d) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị, tổ chức khác mà không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được bổ nhiệm;

đ) Không thành lập, tham gia thành lập hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại văn phòng giám định tư pháp hoặc không làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

5. Giám định viên tư pháp được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân. Trường hợp giám định viên tư pháp đang làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó.

6. Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp được xem xét, bổ nhiệm lại trong các trường hợp sau đây:

a) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp do không đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi lý do miễn nhiệm không còn và không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều này;

b) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp do bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi lý do miễn nhiệm không còn và không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 3 Điều này;

c) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 3, điểm b khoản 4 Điều này được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này, đã hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp có hiệu lực và lý do miễn nhiệm không còn;

d) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này;

đ) Người bị miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp sau 12 tháng kể từ ngày bị miễn nhiệm khi không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này;

e) Người được miễn nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 5 Điều này được xem xét bổ nhiệm lại giám định viên tư pháp khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật này và không thuộc trường hợp không được bổ nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

7. Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp được cấp thẻ giám định viên tư pháp. Người có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.

8. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp

1. Giám định viên tư pháp có các quyền sau đây:

a) Thành lập, tham gia thành lập, làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại văn phòng giám định tư pháp hoặc làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại cơ quan, đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật;

b) Thành lập, tự nguyện tham gia hội giám định viên tư pháp theo quy định của pháp luật về hội;

c) Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này và quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giám định viên tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục giám định tư pháp quy định tại Luật này;

b) Tham gia khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp hằng năm;

c) Thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu của người trưng cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo phân công của cơ quan, đơn vị, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định;

d) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 38 của Luật này và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2. NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 13. Tiêu chuẩn người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được công nhận là người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

2. Trường hợp người không đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này nhưng có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn và kỹ năng chuyên môn ở lĩnh vực, chuyên ngành cần giám định thì cơ quan, tổ chức xem xét quyết định lựa chọn, công nhận người đó là người giám định tư pháp theo vụ việc.

Điều 14. Công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc đối với người làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương, cá nhân đăng ký thường trú tại địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quyết định công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc. Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc là căn cứ để người trưng cầu, người yêu cầu giám định tư pháp lựa chọn, quyết định việc trưng cầu, yêu cầu giám định.

4. Trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định tư pháp có thể trưng cầu người không thuộc danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc đã được công bố nhưng có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 của Luật này để thực hiện giám định. Người trưng cầu giám định tư pháp nêu rõ lý do trong quyết định trưng cầu và chịu trách nhiệm về việc trưng cầu.

5. Những trường hợp không được công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Người không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 của Luật này;

b) Người thuộc trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 11 của Luật này.

6. Người giám định tư pháp theo vụ việc bị hủy bỏ công nhận trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 của Luật này;

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 11 của Luật này;

c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này;

d) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc có hiệu lực;

đ) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị, tổ chức khác mà không còn làm việc ở lĩnh vực chuyên môn đã được công nhận.

7. Người giám định tư pháp theo vụ việc được hủy bỏ công nhận theo nguyện vọng cá nhân. Trường hợp người giám định tư pháp theo vụ việc đang làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó.

8. Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục công nhận, hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của người giám định tư pháp theo vụ việc

1. Người giám định tư pháp theo vụ việc có các quyền sau đây:

a) Tham gia hội giám định viên theo điều lệ của hội giám định viên và quy định của pháp luật về hội;

b) Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật này và quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người giám định tư pháp theo vụ việc có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ nguyên tắc, trình tự, thủ tục giám định, quy trình giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tham gia khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp;

c) Thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu của người trưng cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo phân công của cơ quan, đơn vị, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định;

d) Các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 38 của Luật này và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Mục 1. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP

Điều 16. Tổ chức giám định tư pháp công lập

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự. Tổ chức giám định tư pháp công lập có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, quyết định thành lập hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực khác.

2. Tổ chức giám định tư pháp công lập thực hiện giám định tư pháp theo quy định của Luật này. Tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập còn được thực hiện dịch vụ giám định ngoài tố tụng tư pháp trong lĩnh vực, chuyên ngành theo quy định của Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Điều 17. Hệ thống, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức giám định tư pháp công lập

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y bao gồm:

a) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Y tế;

b) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Quốc phòng;

c) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Công an;

d) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Sở Y tế tỉnh, thành phố.

2. Tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y tâm thần thuộc Bộ Y tế.

3. Tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự bao gồm:

a) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Công an;

b) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Bộ Quốc phòng;

c) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

d) Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Công an tỉnh, thành phố.

4. Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định tại điểm c khoản 3 Điều này thực hiện giám định chuyên ngành âm thanh, kỹ thuật số và điện tử.

Tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Công an tỉnh, thành phố quy định tại điểm d khoản 3 Điều này thực hiện giám định chuyên ngành pháp y tử thi và giám định chuyên ngành pháp y thương tích.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, khoản 2, các điểm a, b và d khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Mục 2. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC

Điều 18. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

1. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn ở lĩnh vực chuyên môn hoặc chuyên ngành phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

c) Có thời gian hoạt động từ đủ 05 năm trở lên trong lĩnh vực chuyên môn hoặc chuyên ngành phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

d) Có đội ngũ cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

2. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định theo quy định của Luật này. Người đứng đầu tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định chi tiết khoản 1 Điều này đối với tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực chuyên môn hoặc chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 19. Công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đối với cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quyết định công nhận danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc. Danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc là căn cứ để người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp lựa chọn, quyết định việc trưng cầu, yêu cầu giám định.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ thực hiện giám định theo trưng cầu sau khi người trưng cầu giám định đã trưng cầu tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được công bố trong danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc nhưng tổ chức này thuộc trường hợp từ chối hoặc không được thực hiện giám định quy định tại Điều 38 của Luật này. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố được trưng cầu giám định trong trường hợp này thì được coi là tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định tư pháp có thể trưng cầu tổ chức không thuộc danh sách tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được công bố nhưng có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này để thực hiện giám định. Người trưng cầu giám định nêu rõ lý do trong quyết định trưng cầu và chịu trách nhiệm về việc trưng cầu.

4. Các trường hợp hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Không còn đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;

b) Bị xử phạt vi phạm hành chính do vi phạm hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 9 của Luật này.

5. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục công nhận, hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

Mục 3. VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 20. Văn phòng giám định tư pháp

1. Văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Văn phòng giám định tư pháp được thành lập và đăng ký hoạt động trong các lĩnh vực, chuyên ngành sau đây:

a) Lĩnh vực kỹ thuật hình sự gồm các chuyên ngành tài liệu, kỹ thuật số và điện tử, dấu vết đường vân, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Lĩnh vực pháp y gồm chuyên ngành ADN, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Lĩnh vực văn hóa gồm các chuyên ngành cổ vật, di vật, bản quyền tác giả;

d) Lĩnh vực tài chính;

đ) Lĩnh vực ngân hàng;

e) Lĩnh vực xây dựng;

g) Lĩnh vực tài nguyên.

3. Văn phòng giám định tư pháp không được thực hiện giám định tư pháp đối với các chuyên ngành ADN, tài liệu, kỹ thuật số và điện tử, dấu vết đường vân trong tố tụng hình sự, trừ trường hợp được người trưng cầu giám định tư pháp trưng cầu trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật này.

4. Trưởng văn phòng giám định tư pháp là người đại diện theo pháp luật của văn phòng giám định tư pháp, thực hiện quản lý và điều hành hoạt động của văn phòng giám định tư pháp. Trưởng văn phòng giám định tư pháp phải là giám định viên tư pháp.

5. Tên của văn phòng giám định tư pháp bao gồm cụm từ "Văn phòng giám định tư pháp" và tên riêng bằng tiếng Việt.

6. Văn phòng giám định tư pháp được thành lập và đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Trưởng văn phòng giám định tư pháp là giám định viên tư pháp có thời gian công tác giám định từ đủ 03 năm trở lên;

b) Có Đề án thành lập văn phòng giám định tư pháp.

Văn phòng giám định tư pháp được hoạt động kể từ ngày được Sở Tư pháp tỉnh, thành phố phê duyệt Đề án thành lập và cấp giấy đăng ký hoạt động.

7. Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Văn phòng giám định tư pháp đề nghị chấm dứt hoạt động;

b) Văn phòng giám định tư pháp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động;

c) Văn phòng giám định tư pháp bị hợp nhất, bị sáp nhập.

8. Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân không được thành lập văn phòng giám định tư pháp.

9. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thành lập và đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung thành lập, đăng ký hoạt động, cấp lại giấy đăng ký hoạt động, tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, hợp nhất, sáp nhập văn phòng giám định tư pháp.

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của văn phòng giám định tư pháp

1. Văn phòng giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Thực hiện giám định tư pháp theo quy định của Luật này và dịch vụ giám định ngoài tố tụng tư pháp theo quy định của pháp luật;

b) Cử giám định viên tư pháp thực hiện việc giám định tư pháp;

c) Ký hợp đồng lao động với giám định viên tư pháp và người lao động khác làm việc cho tổ chức theo quy định của pháp luật;

d) Thu, thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp và các chi phí khác theo quy định của pháp luật;

đ) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện giám định tư pháp theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục giám định tư pháp quy định tại Luật này;

b) Tuân thủ quy trình giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về kết luận giám định;

c) Bồi thường thiệt hại khi thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo Sở Tư pháp nơi văn phòng giám định tư pháp có trụ sở về tổ chức, hoạt động hằng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu;

đ) Chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật;

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 22. Quyền, nghĩa vụ của người trưng cầu giám định tư pháp

1. Người trưng cầu giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Trưng cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp để thực hiện giám định;

b) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp trả kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn đã yêu cầu;

c) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đã thực hiện giám định giải thích kết luận giám định;

d) Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày kết luận giám định;

đ) Quyết định giám định bổ sung, giám định lại, thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giám định tư pháp;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người trưng cầu giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Ra quyết định trưng cầu giám định bằng văn bản;

b) Xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong quyết định trưng cầu đối với vụ việc, vụ án đang giải quyết; nội dung trưng cầu phải cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đối tượng giám định;

c) Lựa chọn người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có năng lực, đủ điều kiện thực hiện giám định phù hợp với tính chất, nội dung cần giám định để ra quyết định trưng cầu giám định;

d) Cung cấp đầy đủ hồ sơ trưng cầu giám định ngay khi ban hành quyết định trưng cầu giám định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ trưng cầu giám định do mình cung cấp;

đ) Thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do tham gia vụ việc, vụ án;

e) Thông báo ngay bằng văn bản cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp biết việc đình chỉ giải quyết vụ việc, vụ án để dừng việc thực hiện giám định;

g) Thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trưng cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động;

h) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giám định tư pháp

1. Người yêu cầu giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp thực hiện giám định sau khi đã đề nghị người trưng cầu giám định tư pháp trưng cầu giám định mà không được chấp nhận;

b) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp trả kết luận giám định đúng thời hạn quy định tại Luật này;

c) Yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp giải thích kết luận giám định;

d) Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày kết luận giám định;

đ) Yêu cầu người trưng cầu giám định tư pháp trưng cầu giám định bổ sung, giám định lại theo quy định tại Điều 32 của Luật này;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người yêu cầu giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ hồ sơ yêu cầu giám định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ yêu cầu giám định do mình cung cấp;

b) Nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi yêu cầu giám định; thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp khi nhận kết luận giám định;

c) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp trong hoạt động giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp cung cấp đầy đủ hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định;

b) Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định;

c) Sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm, kết luận chuyên môn hoặc kết luận giám định do tổ chức, cá nhân khác đã thực hiện phục vụ cho việc giám định;

d) Độc lập đưa ra kết luận giám định;

đ) Đề nghị người trưng cầu giám định tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ bản thân, người thân thích của mình khi bị đe dọa tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do tham gia vụ việc, vụ án;

e) Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại Điều 38 của Luật này;

g) Được bố trí vị trí phù hợp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa;

h) Được hưởng thù lao, chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp, chi phí tham gia phiên tòa và chi phí cần thiết khác theo quy định của pháp luật;

i) Được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của pháp luật có liên quan và của cấp có thẩm quyền khi đã thực hiện giám định đúng quy định về trình tự, thủ tục, quy trình giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định, vô tư, khách quan, không vụ lợi; trường hợp kết luận gian dối hoặc từ chối kết luận giám định mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự;

k) Được sử dụng người giúp việc trong quá trình thực hiện giám định tư pháp;

l) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người giám định tư pháp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy trình giám định tư pháp, quy chuẩn chuyên môn trong hoạt động giám định khi thực hiện giám định tư pháp;

b) Thực hiện giám định theo đúng nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định;

c) Thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu;

d) Lập hồ sơ giám định;

đ) Bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, mẫu vật có liên quan đã nhận và gửi trả lại cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

e) Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người trưng cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản;

g) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định do mình đưa ra;

h) Bồi thường thiệt hại khi thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;

i) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức giám định tư pháp trong hoạt động giám định tư pháp

1. Tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu, yêu cầu giám định có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp cung cấp đầy đủ hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định;

b) Phân công người giám định tư pháp thực hiện giám định;

c) Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại Điều 38 của Luật này;

d) Được nhận tạm ứng, thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định theo quy định của pháp luật;

đ) Đề nghị người trưng cầu giám định tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích, uy tín, tài sản của tổ chức mình do tham gia vụ việc, vụ án;

e) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu, yêu cầu giám định có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định theo đúng thời hạn, nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định;

b) Bảo đảm thời gian, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định;

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho người trưng cầu, yêu cầu giám định trong trường hợp có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh trong quá trình thực hiện giám định;

d) Bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, mẫu vật có liên quan đã nhận và gửi trả lại cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

đ) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp người thực hiện giám định của tổ chức mình cố ý làm sai lệch kết luận giám định, gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân;

e) Chịu trách nhiệm về kết luận giám định do mình đưa ra;

g) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Trưng cầu giám định tư pháp

1. Người trưng cầu giám định tư pháp thực hiện trưng cầu giám định đối với trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật hoặc trường hợp chứng cứ, tài liệu được thu thập chưa làm rõ được vấn đề phải chứng minh mà cần có kết luận về chuyên môn để xem xét, đánh giá củng cố chứng cứ hoặc quyết định việc tiến hành các hoạt động tố tụng tiếp theo.

Trường hợp chứng cứ, tài liệu được thu thập đã làm rõ những vấn đề phải chứng minh nhưng người trưng cầu giám định tư pháp cần thêm thông tin chuyên môn để xem xét, đánh giá thì trao đổi trực tiếp, tổ chức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của tổ chức, cá nhân có liên quan mà không trưng cầu giám định.

2. Người trưng cầu giám định tư pháp quyết định trưng cầu bằng văn bản và gửi hồ sơ trưng cầu giám định đến người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp. Trường hợp hồ sơ trưng cầu giám định không thể gửi kèm theo quyết định trưng cầu thì người trưng cầu giám định tư pháp có trách nhiệm làm thủ tục bàn giao cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp.

Người trưng cầu giám định tư pháp chỉ trưng cầu những nội dung, vấn đề chuyên môn; không yêu cầu người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định đối với các nội dung thuộc trách nhiệm của người trưng cầu giám định tư pháp.

3. Quyết định trưng cầu giám định tư pháp có các nội dung chính sau đây:

a) Tên, địa chỉ cơ quan trưng cầu giám định; họ tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định;

b) Tên, địa chỉ tổ chức; họ tên người được trưng cầu giám định;

c) Tên và đặc điểm của đối tượng giám định;

d) Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

đ) Nội dung yêu cầu giám định;

e) Ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định.

4. Trường hợp trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại thì quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ là trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại và nêu rõ lý do.

5. Trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định trưng cầu giám định, người trưng cầu giám định tư pháp trao đổi với người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp dự kiến được trưng cầu giám định và cơ quan có liên quan về nội dung trưng cầu, thời hạn giám định, hồ sơ trưng cầu giám định và các vấn đề khác (nếu có).

6. Trường hợp nội dung cần giám định bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp thì người trưng cầu giám định phải tách riêng từng nội dung để trưng cầu tổ chức giám định tư pháp có chuyên môn phù hợp.

Trường hợp nội dung cần giám định bao gồm nhiều lĩnh vực chuyên môn, thuộc phạm vi giám định của nhiều tổ chức giám định tư pháp nhưng có quan hệ mật thiết với nhau mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả giám định hoặc làm kéo dài thời gian giám định thì người trưng cầu giám định tư pháp phải xác định nội dung chính cần giám định để quyết định trưng cầu tổ chức giám định tư pháp chủ trì, tổ chức giám định tư pháp phối hợp. Quyết định trưng cầu được gửi cho tổ chức giám định tư pháp chủ trì và tổ chức giám định tư pháp phối hợp. Tổ chức giám định tư pháp chủ trì có trách nhiệm làm đầu mối tổ chức triển khai việc giám định chung, thực hiện giám định phần nội dung chuyên môn của mình và ban hành kết luận giám định.

7. Trường hợp phát sinh vướng mắc trong việc trưng cầu, phối hợp thực hiện giám định, người trưng cầu giám định tư pháp chủ trì, phối hợp với người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp được trưng cầu để giải quyết.

Điều 27. Yêu cầu giám định tư pháp trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, vụ án hình sự

1. Người yêu cầu giám định phải gửi văn bản yêu cầu giám định đến người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp kèm theo hồ sơ yêu cầu giám định và bản sao giấy tờ chứng minh mình là người yêu cầu giám định tư pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật này.

2. Trong trường hợp hồ sơ yêu cầu giám định đang do cơ quan có thẩm quyền giữ thì người yêu cầu giám định có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bàn giao cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp để thực hiện giám định.

3. Văn bản yêu cầu giám định tư pháp phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ tổ chức hoặc họ tên người yêu cầu giám định;

b) Nội dung yêu cầu giám định;

c) Tên và đặc điểm của đối tượng giám định;

d) Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

đ) Ngày, tháng, năm yêu cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định;

e) Chữ ký, họ tên người yêu cầu giám định.

Điều 28. Tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp

1. Tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp ở địa phương, tổ chức giám định tư pháp thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trụ sở tại địa phương có trách nhiệm tiếp nhận trưng cầu và thực hiện giám định do người trưng cầu giám định tư pháp ở địa phương hoặc ở trung ương trưng cầu.

2. Tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp ở trung ương có trách nhiệm tiếp nhận trưng cầu và thực hiện giám định trong các trường hợp sau đây:

a) Người trưng cầu giám định tư pháp ở trung ương trưng cầu;

b) Người trưng cầu giám định tư pháp ở địa phương trưng cầu trong trường hợp vụ việc liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố, tính chất phức tạp, vượt quá khả năng của tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp ở địa phương;

c) Giám định lại vụ việc mà tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp ở địa phương đã thực hiện;

d) Tổ chức giám định tư pháp ở trung ương có văn bản thông báo đồng ý tiếp nhận và thực hiện giám định do người trưng cầu giám định tư pháp ở địa phương trưng cầu.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, người giám định tư pháp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định về việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định; trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do.

Trường hợp tiếp nhận thì người đứng đầu tổ chức giám định tư pháp phải phân công người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định để thực hiện giám định; trường hợp có từ 02 người trở lên thực hiện thì phân công người chủ trì, điều phối việc thực hiện giám định.

4. Trong trường hợp trưng cầu tổ chức giám định tư pháp chủ trì và tổ chức giám định tư pháp phối hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 của Luật này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, tổ chức giám định tư pháp phối hợp phải có văn bản cử người giám định gửi cho tổ chức giám định tư pháp chủ trì và người trưng cầu giám định tư pháp; trường hợp từ chối thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản cử người của tổ chức giám định tư pháp phối hợp, tổ chức giám định tư pháp chủ trì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định về việc tiếp nhận hoặc từ chối thực hiện giám định; trường hợp từ chối thì phải nêu rõ lý do.

Việc thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp này được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành danh mục lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định thuộc thẩm quyền quản lý và trình tự, thủ tục tiếp nhận trưng cầu, thực hiện giám định.

Cơ quan thuộc Chính phủ đề nghị Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý về lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định ban hành danh mục lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành giám định thuộc thẩm quyền quản lý và trình tự, thủ tục tiếp nhận trưng cầu, thực hiện giám định.

Điều 29. Giao nhận hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp

1. Hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định được giao, nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính, bao gồm:

a) Quyết định trưng cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định;

b) Thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có);

c) Đối tượng giám định (nếu có).

2. Việc giao, nhận trực tiếp hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định phải được lập thành biên bản. Biên bản giao, nhận hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định phải có nội dung sau đây:

a) Thời gian, địa điểm giao, nhận;

b) Họ tên người đại diện của bên giao, bên nhận;

c) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Cách thức bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;

đ) Tình trạng đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;

e) Chữ ký của người đại diện bên giao, bên nhận.

3. Việc gửi hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định qua đường bưu chính phải được thực hiện theo hình thức gửi dịch vụ có số hiệu. Tổ chức, cá nhân nhận hồ sơ được gửi theo dịch vụ có số hiệu có trách nhiệm bảo quản, khi mở niêm phong phải lập biên bản theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Việc gửi hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về việc gửi, nhận văn bản trên môi trường điện tử, dữ liệu điện tử.

4. Đối với việc giao, nhận đối tượng giám định pháp y, pháp y tâm thần là con người thì người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định bố trí

lực lượng chuyên trách quản lý đối tượng giám định trong quá trình thực hiện giám định theo quy định của Chính phủ.

Điều 30. Thời hạn giám định tư pháp

1. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này tối đa là 02 tháng; trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 03 tháng; trường hợp vụ việc giám định có tính chất đặc biệt phức tạp hoặc khối lượng công việc đặc biệt lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng.

Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định, thời hạn giám định tối đa nêu tại khoản này để quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể.

3. Thời điểm tính thời hạn giám định tư pháp là ngày người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp nhận được đầy đủ hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.

4. Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan làm cơ sở cho việc giám định thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp bổ sung trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện hoặc xác định được nội dung cần bổ sung. Người trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có trách nhiệm bổ sung thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Thời gian từ khi người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị đến khi nhận được thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan bổ sung thì không tính vào thời hạn giám định.

5. Trường hợp không thể hoàn thành đúng thời hạn giám định, chậm nhất là 24 giờ trước thời hạn trả kết luận giám định, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có văn bản đề nghị người trưng cầu giám định gia hạn. Người trưng cầu giám định quyết định việc gia hạn nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

Điều 31. Việc giám định do cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thực hiện

1. Giám định do cá nhân thực hiện là việc giám định do 01 người thực hiện. Người giám định tư pháp ký vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định đó.

2. Giám định do tổ chức giám định tư pháp thực hiện là việc giám định theo sự phân công của tổ chức giám định tư pháp. Tổ chức giám định ban hành kết luận giám định có chữ ký của người đại diện hợp pháp của tổ chức đó và người giám định.

Trường hợp có ý kiến, kết luận chuyên môn khác nhau giữa những người thực hiện giám định thì người đứng đầu tổ chức giám định tư pháp có trách nhiệm tổ chức họp chuyên môn với những người thực hiện giám định để thống nhất ý kiến và ban hành kết luận giám định; nếu người thực hiện giám định vẫn có ý kiến khác thì được bảo lưu ý kiến trong bản kết luận giám định.

3. Trường hợp giám định do tổ chức giám định tư pháp thực hiện mà có nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi người giám định thực hiện phần việc giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm cá nhân về phần kết luận giám định đó.

Điều 32. Giám định bổ sung, giám định lại

1. Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ việc, vụ án đã được kết luận giám định trước đó. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

2. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có nghi ngờ kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 của Luật này. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định lại được thực hiện như giám định lần đầu.

3. Người trưng cầu giám định tự mình hoặc theo đề nghị của người yêu cầu giám định quyết định việc trưng cầu giám định lại. Trường hợp người trưng cầu giám định không chấp nhận yêu cầu giám định lại thì phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 33. Hội đồng giám định tư pháp

1. Các trường hợp do Hội đồng giám định tư pháp thực hiện bao gồm:

a) Có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung cần giám định mà người trưng cầu giám định quyết định tiếp tục giám định lại lần thứ hai, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Việc giám định do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật này thực hiện giám định tư pháp lần đầu mà tiếp tục giám định lại;

c) Việc giám định lại trong trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật tố tụng.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập Hội đồng giám định tư pháp khi nhận được trưng cầu giám định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng giám định tư pháp gồm ít nhất 03 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định. Hội đồng giám định hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp người thực hiện giám định có ý kiến khác thì được bảo lưu ý kiến trong bản kết luận giám định.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 34. Văn bản, dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản hoặc dữ liệu điện tử toàn bộ quá trình thực hiện vụ việc giám định.

2. Văn bản, dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp phải nêu rõ tình trạng của đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan, thời gian, địa điểm, nội dung công việc, tiến độ, phương pháp thực hiện giám định, kết quả thực hiện, có chữ ký của người thực hiện giám định tư pháp và được lưu trong hồ sơ giám định.

Điều 35. Kết luận giám định tư pháp

1. Kết luận giám định tư pháp phải bằng văn bản, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Họ tên người giám định tư pháp; tên, địa chỉ tổ chức thực hiện giám định tư pháp;

b) Tên người trưng cầu giám định tư pháp; số văn bản trưng cầu giám định tư pháp hoặc họ tên người yêu cầu giám định tư pháp;

c) Thông tin xác định đối tượng giám định;

d) Thời gian nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

đ) Nội dung yêu cầu giám định;

e) Phương pháp thực hiện giám định;

g) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

2. Trong trường hợp trưng cầu, yêu cầu cá nhân thực hiện giám định thì bản kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của người giám định. Việc sử dụng chữ ký số trong kết luận giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Trường hợp trưng cầu, yêu cầu tổ chức thực hiện giám định thì ngoài chữ ký, họ tên của người giám định, người đại diện hợp pháp của tổ chức giám định còn phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp phải chịu trách nhiệm về kết luận giám định.

Trường hợp Hội đồng giám định tư pháp quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này thực hiện giám định thì ngoài chữ ký, họ tên của người giám định, người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của Hội đồng giám định.

Trường hợp trưng cầu tổ chức giám định tư pháp chủ trì và tổ chức giám định tư pháp phối hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 của Luật này, bản kết luận giám định phải có chữ ký của người giám định tư pháp, chữ ký và đóng dấu của người đứng đầu các tổ chức này.

3. Trường hợp việc giám định được thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự theo đúng trình tự, thủ tục do Luật này quy định thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng kết luận giám định đó như kết luận giám định tư pháp.

4. Trường hợp các kết luận giám định tư pháp khác nhau về cùng một nội dung mà các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn không thống nhất được về việc sử dụng kết luận giám định làm căn cứ để giải quyết vụ việc, vụ án thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét, đánh giá và quyết định việc sử dụng kết luận giám định trên cơ sở các tiêu chí sau đây:

a) Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người giám định;

b) Phương pháp, quy trình thực hiện giám định;

c) Trang thiết bị, phương tiện chuyên dụng sử dụng thực hiện giám định;

d) Sự độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định.

5. Sau khi ban hành kết luận giám định tư pháp, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định sau giám định cho người trưng cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm nhận lại đối tượng giám định sau giám định theo quy định của pháp luật. Việc giao, nhận lại đối tượng giám định sau giám định phải được lập thành biên bản; nội dung của biên bản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này.

Điều 36. Đình chỉ việc thực hiện giám định

1. Trường hợp không cần đến kết luận giám định tư pháp cho việc giải quyết vụ việc, vụ án thì người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp về việc đình chỉ việc thực hiện giám định và nêu rõ lý do.

2. Ngay sau khi nhận được văn bản thông báo của người trưng cầu, yêu cầu giám định, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp chấm dứt việc thực hiện giám định và ghi nhận nội dung này trong văn bản hoặc dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định.

3. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp được chi trả chi phí giám định tư pháp, chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp và chi phí cần thiết khác có liên quan đối với các công việc đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Hồ sơ giám định tư pháp

1. Hồ sơ giám định tư pháp do người thực hiện giám định tư pháp lập bao gồm:

a) Hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định;

b) Biên bản giao, nhận hồ sơ trưng cầu, yêu cầu giám định;

c) Văn bản hoặc phương tiện lưu trữ dữ liệu điện tử ghi nhận quá trình thực hiện giám định;

d) Bản ảnh giám định (nếu có);

đ) Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện (nếu có);

e) Tài liệu khác có liên quan đến việc giám định (nếu có);

g) Kết luận giám định tư pháp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm quy định chi tiết thành phần hồ sơ từng loại việc giám định và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Tổ chức giám định tư pháp thực hiện giám định chịu trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp do người giám định thuộc tổ chức mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định tư pháp cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. Hồ sơ giám định tư pháp được xuất trình khi có yêu cầu của người trưng cầu giám định tư pháp.

Điều 38. Các trường hợp từ chối thực hiện giám định tư pháp, không được thực hiện giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp được từ chối thực hiện giám định trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn của người, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định;

b) Không đủ khả năng chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện về phương tiện, trang thiết bị cần thiết cho việc thực hiện giám định;

c) Đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định sau khi đã đề nghị người trưng cầu, người yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng;

d) Thời gian không đủ để thực hiện giám định;

đ) Tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm;

e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không được thực hiện giám định tư pháp trong các trường hợp sau đây:

a) Pháp luật về tố tụng quy định không được giám định;

b) Được trưng cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ việc, vụ án mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc, vụ án theo quy định của pháp luật về tố tụng;

d) Có căn cứ rõ ràng cho rằng tổ chức, cá nhân không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Tương trợ tư pháp về giám định tư pháp

1. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện giám định tư pháp chỉ được thực hiện nếu đối tượng giám định đang ở nước ngoài hoặc khả năng chuyên môn, điều kiện về trang thiết bị, phương tiện giám định của tổ chức, cá nhân giám định tư pháp trong nước không đáp ứng được yêu cầu giám định.

2. Tổ chức, cá nhân giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nước ngoài theo quy định của pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự.

3. Trình tự, thủ tục, chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về giám định tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự.

Chương V

CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

Điều 40. Chi phí giám định tư pháp

1. Chi phí giám định tư pháp bao gồm một hoặc một số chi phí được xác định theo quy định của pháp luật về chi phí tố tụng. Việc thanh toán chi phí giám định tư pháp, chi phí giám định lại, chi phí giám định bổ sung được thực hiện theo quy định của pháp luật về chi phí tố tụng và pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức giám định tư pháp công lập không phải là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động khi thực hiện giám định theo quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có trách nhiệm lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức giám định tư pháp công lập không phải là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thực hiện giám định theo yêu cầu của người yêu cầu giám định tư pháp thì người này phải nộp tiền tạm ứng, thanh toán chi phí giám định tư pháp vào ngân sách nhà nước thông qua cơ quan, đơn vị, tổ chức này.

3. Trường hợp tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện giám định tư pháp theo trưng cầu của cơ quan trưng cầu giám định thì được lập dự toán, thanh toán, quyết toán chi

phí giám định tư pháp từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của tổ chức đó theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Trường hợp tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của người yêu cầu giám định tư pháp thì được thu, thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan trưng cầu giám định tư pháp có trách nhiệm lập dự toán, chi trả chi phí giám định khi trưng cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện giám định mà không do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động.

5. Trường hợp tổ chức giám định tư pháp công lập là đơn vị sự nghiệp công lập, văn phòng giám định tư pháp thực hiện dịch vụ giám định ngoài tố tụng tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 16 và điểm a khoản 1 Điều 21 của Luật này thì được thu giá dịch vụ giám định theo quy định của pháp luật về giá.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 41. Chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp

1. Người giám định tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực, chuyên ngành có tính chất nguy hiểm, độc hại, khó thu hút tham gia hoạt động giám định tư pháp được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù, vượt trội; tổ chức giám định tư pháp công lập được áp dụng chế độ thuê khoán tương xứng để thu hút chuyên gia giỏi, tổ chức chuyên môn có năng lực tốt ở ngoài khu vực nhà nước tham gia hoạt động giám định. Chính phủ quy định chi tiết khoản này.

2. Việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân là hoạt động công vụ. Cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm bảo đảm thời gian, các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

3. Giám định viên tư pháp; người giám định tư pháp theo vụ việc; người giúp việc cho người giám định tư pháp đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước; người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm có mặt, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian thực hiện giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi thì được cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện giám định chi trả chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc giám định theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố căn cứ khả năng, điều kiện thực tế của Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương quy định chế độ, chính sách khác để hỗ trợ người giám định tư pháp, thu hút chuyên gia, tổ chức có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp.

Điều 42. Xử lý vi phạm trong hoạt động giám định tư pháp

1. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan trong tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, vi phạm quy định về trưng cầu giám định, đánh giá, sử dụng kết luận giám định hoặc tiếp nhận, thực hiện giám định thì tùy mức độ vi phạm mà bị xử lý trách nhiệm công vụ, trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Người giám định tư pháp là người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tổ chức thực hiện giám định ở khu vực ngoài nhà nước vi phạm quy định về tiếp nhận, thực hiện giám định, tham gia tố tụng với tư cách là tổ chức, cá nhân giám định thì tùy theo mức độ mà bị xử lý vi phạm hành chính, trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15 và Luật số 103/2025/QH15

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 136 như sau:

“1. Chi phí quy định tại điểm a, chi phí định giá tài sản quy định tại điểm b và chi phí quy định tại điểm c khoản 4 Điều 135 của Bộ luật này do các cơ quan, người đã trưng cầu, yêu cầu, chỉ định chi trả; trường

hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì do Trung tâm này chi trả. Chi phí giám định tư pháp thực hiện theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp.”.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 05 năm 2026.

2. Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 56/2020/QH14 (sau đây gọi là Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 45 của Luật này.

Điều 45. Quy định chuyển tiếp

1. Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp, thẻ giám định viên tư pháp, quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được ban hành theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 tiếp tục có hiệu lực.

2. Trường hợp hồ sơ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, thành lập, đăng ký hoạt động, cấp lại giấy đăng ký hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định, chuyển đổi loại hình văn phòng giám định tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13.

3. Người có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định của Luật này có thẩm quyền miễn nhiệm, bổ nhiệm lại, thu hồi thẻ, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, hủy bỏ công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được người có thẩm quyền bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp, công nhận người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13.

4. Trường hợp việc giám định đã được tiếp nhận, thực hiện trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp tiếp tục thực hiện giám định, thanh toán, quyết toán chi phí giám định, bồi dưỡng giám định tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13.

5. Văn phòng giám định tư pháp đã được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 tiếp tục được hoạt động theo quy định của Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Trần Thanh Mẫn